

#SoKyHieuVanBan

#DiaDiemNgayBanHanh

ĐỀ ÁN

Kiến toàn các cơ quan hành chính và quy định số lượng cấp phó các cơ quan hành chính thuộc UBND huyện Nam Trà My

Phần I

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

I. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Triển khai Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “ *tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*”, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị Trung ương VI khóa XII “ *một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”, Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo việc sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí số lượng cấp phó các tổ chức hành chính cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn huyện. Các cơ quan, đơn vị đã tập trung rà soát, sắp xếp theo hướng tinh gọn đầu mối, tinh giản biên chế, gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức; qua đó góp phần hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, công tác sắp xếp tổ chức hành chính, quản lý, sử dụng biên chế công chức vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: một số phòng chuyên môn biên chế ít; chưa tổ chức theo hướng đa nhiệm vụ, đa lĩnh vực hoặc mất cân đối giữa số lượng công chức lãnh đạo và công chức thực hiện chuyên môn nghiệp vụ.

Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (*sau đây gọi tắt là Nghị định 108/2020/NĐ-CP*). Để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí số lượng cấp phó các tổ chức hành chính, đẩy mạnh việc tinh giản, cơ cấu lại đội ngũ công chức, triển khai quy định Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ và nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn huyện; việc xây dựng, ban hành Đề án Kiến toàn các cơ quan hành chính và quy định số lượng cấp phó các cơ quan hành chính thuộc UBND huyện Nam Trà My là yêu cầu cần thiết hiện nay.

II. Cơ sở pháp lý

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.

2. Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

3. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

4. Kết luận số 34-KL/TW ngày 07/8/2018 của Bộ Chính trị về thực hiện một số mô hình thí điểm theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; Kết luận số 74-KL/TW ngày 22/5/2020 của Bộ Chính trị về kết quả 02 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và 04 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị.

5. Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Ban Chấp hành Trung ương thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

6. Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố.

7. Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố.

8. Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương.

9. Kế hoạch số 139-KH/TU ngày 28/02/2018 của Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

Phần II

THỰC TRẠNG CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC TRONG CÁC CƠ QUAN

I. Khái quát đặc điểm tình hình, cơ cấu tổ chức các cơ quan cơ quan chuyên môn

1. Đặc điểm tình hình của huyện Nam Trà My:

Nam Trà My là huyện miền núi nằm phía tây tỉnh Quảng Nam, cách trung tâm tỉnh lỵ 100km, phía đông giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía bắc giáp huyện Bắc Trà My, phía tây giáp huyện Phước Sơn, phía nam giáp tỉnh Kon Tum; huyện có diện tích 825,46 km², gồm 10 xã, với 35 thôn, qui mô dân số trên 33.000 người, mật độ dân số 40 người/km²; Thành phần dân tộc: Kinh chiếm 4,3%; Ca dong

chiếm 53%; Xê đăng chiếm 35,2%; Mơ nông chiếm 7,34%; Cor chiếm 0,1%; Dân tộc khác chiếm 0,06%. Tỷ trọng nông - lâm nghiệp 74,6%; công nghiệp xây dựng 16,3%; thương mại dịch vụ 9,09%.

Tốc độ phát triển kinh tế xã hội ngày càng cao. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật tương đối hoàn chỉnh, hệ thống giao thông nông thôn cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ cho sản xuất và đi lại của nhân dân. Tình hình an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện được đảm bảo. Xây dựng hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở đủ mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

**** Thuận lợi***

Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của UBND tỉnh, sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy Nam Trà My. Trong những năm qua, UBND huyện đã tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, đề ra các giải pháp kịp thời và hiệu quả. Qua đó, thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của huyện ổn định, duy trì nhịp độ tăng trưởng các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh được giữ vững, góp phần cụ thể hóa mục tiêu Nghị quyết HĐND huyện

**** Khó khăn***

Nam Trà My là 01 trong 85 huyện nghèo của cả nước, công tác giảm nghèo tuy đạt kết quả, nhưng giảm nghèo chưa thật sự bền vững, nguy cơ tái nghèo cao, đời sống của nhân dân còn gặp không ít khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo hiện nay chiếm trên 37%; thành phần dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao, nên có nơi trình độ dân trí còn thấp; đội ngũ cán bộ còn thiếu, yếu, trình độ năng lực và chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ giao, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện đôi nơi còn diễn biến phức tạp, nhất là tình trạng lấn chiếm đất đai, làm nhà trái phép tại khu vực trung tâm hành chính huyện và khai thác vàng trái phép ở một số nơi; những vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng thi công các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn.

2. Thực trạng cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc huyện

Thực hiện Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 25/3/2008 về việc thành lập 12 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 1704/QĐ-UBND thành lập Phòng Dân tộc thuộc UBND huyện Nam Trà My.

Thực hiện Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố và căn cứ các Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và hướng dẫn của UBND tỉnh, Phòng Nội vụ tham mưu UBND ban hành các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cho các cơ quan theo đúng quy định, cụ thể:

2.1. Văn phòng HĐND&UBND

Tham mưu tổng hợp cho Ủy ban nhân dân về hoạt động của Ủy ban nhân dân; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác dân tộc; tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân về chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; cung cấp thông tin phục vụ quản lý và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan nhà nước ở địa phương; đảm bảo cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

2.2. Phòng Nội vụ

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước các lĩnh vực: tổ chức; biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo; thi đua - khen thưởng.

2.3. Phòng Tư pháp

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; thi hành án dân sự; chứng thực; hộ tịch; trợ giúp pháp lý; hoà giải ở cơ sở và các công tác tư pháp khác.

2.4. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tài chính, tài sản; kế hoạch và đầu tư; đăng ký kinh doanh; tổng hợp, thống nhất quản lý về kinh tế hợp tác xã, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân.

2.5. Phòng Tài nguyên và Môi trường

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: tài nguyên đất; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; khí tượng, thủy văn; đo đạc, bản đồ và biển.

2.6. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: lao động; việc làm; dạy nghề; tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; an toàn lao động; người có công; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội; bình đẳng giới.

2.7. Phòng Văn hoá và Thông tin

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: văn hoá; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; bưu chính, viễn thông và Internet; công nghệ thông tin, hạ tầng thông tin; phát thanh; báo chí; xuất bản.

2.8. Phòng Y tế

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, gồm: y tế cơ sở; y tế dự phòng; khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; thuốc phòng

bệnh, chữa bệnh cho người; mỹ phẩm; vệ sinh an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; trang thiết bị y tế; dân số.

2.9. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, bao gồm: mục tiêu, chương trình và nội dung giáo dục và đào tạo; tiêu chuẩn nhà giáo và tiêu chuẩn cán bộ quản lý giáo dục; tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em; quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ; bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo.

2.10. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn xã.

2.11. Thanh tra

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

2.12. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; thương mại; xây dựng; phát triển đô thị; kiến trúc; quy hoạch xây dựng; vật liệu xây dựng; nhà ở và công sở; hạ tầng kỹ thuật đô thị (gồm: cấp, thoát nước; vệ sinh môi trường đô thị; công viên, cây xanh; chiếu sáng, rác thải; bến, bãi đỗ xe đô thị); giao thông; điện; khoa học và công nghệ.

2.13. Phòng Dân tộc:

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc trên địa bàn huyện.

3. Cơ chế hoạt động của các cơ quan:

Các cơ quan hành chính hoạt động theo chế độ thủ trưởng, được thực hiện quyền tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về việc Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan Nhà nước.

II. Những yếu tố tác động đến hoạt động của các cơ quan chuyên môn

1. Thuận lợi:

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện luôn quán triệt việc xác định vị trí việc làm theo cơ cấu chức danh công chức là nhiệm vụ trọng tâm và là cơ sở để sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ công chức, nhân viên trong các cơ quan hành chính trực thuộc UBND huyện một cách khoa học,

hợp lý, phù hợp với trình độ được đào tạo của từng công chức, đồng thời việc xác định vị trí việc làm nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, đảm bảo thống nhất trong quản lý, sử dụng cán bộ công chức theo vị trí việc làm.

Đội ngũ cán bộ công chức của huyện nhận thức được trách nhiệm cá nhân và công tác, phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai thực hiện việc xác định vị trí việc làm.

2. Khó khăn:

Địa bàn hoạt động rộng, dân số thưa, không tập trung, số lượng, chất lượng cán bộ công chức cấp xã còn thiếu, yếu; số lượng vị trí việc làm ở các Phòng chuyên môn nhiều nhưng chỉ tiêu biên chế được giao ít nên một cán bộ công chức phải kiêm nhiệm nhiều vị trí do đó tính chuyên môn hóa chưa cao.

Năng lực quản lý Nhà nước về chuyên môn, nghiệp vụ của một số cán bộ công chức còn hạn chế nên hiệu quả công việc còn ở chừng mực nhất định so với yêu cầu chức năng nhiệm vụ được giao.

Việc đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ công việc như: máy photocopy, máy vi tính, máy in, cài đặt các phần mềm quản lý... hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu công việc.

Trụ sở làm việc còn thiếu, không tập trung.

III. Thực trạng việc sử dụng biên chế và số lượng cấp phó:

1. Biên chế giao và tình hình sử dụng biên chế:

Biên chế tỉnh giao năm 2021: 90 biên chế (giảm 10 biên chế so với năm 2015), biên chế đã sử dụng: 67 biên chế. UBND huyện đã phân bổ và số lượng thực tế đã thực hiện như sau:

a/ Phòng Nội vụ: Biên chế giao 07, đã sử dụng: 06 (gồm có Trưởng phòng và 05 chuyên viên)

b/ Phòng Tư pháp: Biên chế giao 05, đã sử dụng: 04 (gồm có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và 02 chuyên viên).

c/ Phòng Tài chính - Kế hoạch: Biên chế giao 08, đã sử dụng: 04 (gồm có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và 02 chuyên viên)..

d/ Phòng Tài nguyên - Môi trường Biên chế giao 05, đã sử dụng: 04 (gồm có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và 02 chuyên viên).

đ/ Phòng Văn hóa và Thông tin Biên chế giao 05, đã sử dụng: 02 (gồm có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng).

e/ Phòng Kinh tế - Hạ tầng Biên chế giao 06, đã sử dụng: 03 (gồm có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và 01 chuyên viên).

g/ Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội Biên chế giao 07, đã sử dụng: 07 (gồm có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và 04 chuyên viên).

h/ Phòng Giáo dục&Đào tạo Biên chế giao 08, đã sử dụng: 05 (gồm có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và 03 chuyên viên)..

y/ Phòng Nông nghiệp&Phát triển Nông thôn Biên chế giao 07, đã sử dụng: 06 (gồm có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và 04 chuyên viên).

k/ Phòng Y tế Biên chế giao 03, đã sử dụng: 02 (gồm có Trưởng phòng, và 01 chuyên viên).

l/ Thanh tra huyện (05): Biên chế giao 05, đã sử dụng: 04 (gồm có Chánh Thanh tra,, Phó Chánh Thanh tra và 02 chuyên viên).

m/ Văn phòng HĐND&UBND huyện Biên chế giao 20, đã sử dụng: 18 (gồm có 01 Thường trực HĐND, 03 Thường trực UBND, 03 Phó Ban HĐND, Chánh Văn phòng, 02 Phó Chánh Văn phòng và 08 chuyên viên).

n/ Phòng Dân tộc Biên chế giao 04, đã sử dụng: 03 (gồm có Trưởng phòng và 02 chuyên viên).

2. Về số lượng cấp phó

Tổng số Phó phòng và tương đương là 14 (bao gồm cả 02 Phó Trưởng phòng luân chuyển về làm Phó Chủ tịch UBND cấp xã); có 02 phòng chưa bổ nhiệm Phó Trưởng phòng (Phòng Nội vụ, Y tế).

IV. Nhận xét, đánh giá:

Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của 13 Phòng ban được quy định rõ ràng, ít chồng chéo chức năng nhiệm vụ.

Số biên chế của huyện năm 2021 được UBND tỉnh giao là 90, đã thực hiện 67 biên chế, với chức năng nhiệm vụ được giao và chỉ tiêu biên chế được phân bổ như hiện nay thì đội ngũ cán bộ công chức của huyện chưa đáp ứng được với yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Đánh giá việc đáp ứng và sự phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của đội ngũ công chức và người lao động ở cơ quan, đơn vị: với chức năng, nhiệm vụ được giao và thực trạng đội ngũ cán bộ công chức của huyện như hiện nay là chưa phù hợp, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

Việc bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ công chức và người lao động khoa học, phân công phân nhiệm rõ ràng, cụ thể, phù hợp với trình độ chuyên môn nên đã phát huy được năng lực, sở trường công tác, phẩm chất của công chức, người lao động. Phần lớn cán bộ công chức của huyện được đào tạo các chuyên ngành phù hợp và có thâm niên công tác nên rất thuận lợi trong giải quyết công việc, một số cán bộ trẻ tuy chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn nhưng với sự năng nổ, chịu khó học hỏi và được sự bố trí xen kẽ với cán bộ công chức có thâm niên trong ngành nên các cán bộ công chức trẻ nhận được sự hướng dẫn tận tình của các đồng chí đi trước do đó chất lượng công việc được nâng lên, nhiệm vụ chính trị của các cơ quan đơn vị luôn hoàn thành tốt.

Chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức miền núi như hiện nay còn quá nhiều bất cập, nên ít thu hút được người nhân tài lên miền núi phục vụ. Với

chính sách này, thì nhiều cán bộ, công chức có năng lực xin chuyển công tác, bỏ việc hoặc xin nghỉ chế độ.

Phần III

ĐỀ XUẤT VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY, SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH

I. Quan điểm và mục tiêu sắp xếp tổ chức bộ máy

1. Quan điểm

- Sắp xếp các cơ quan hành chính thuộc UBND huyện phải đảm bảo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ.

- Bảo đảm hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cấp, các ngành, các tổ chức, đơn vị không bị gián đoạn, xáo trộn; sau sắp xếp, kiện toàn hoạt động tốt hơn, hiệu quả cao hơn; tập trung huy động, phát huy tiềm năng đội ngũ và cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có.

2. Mục tiêu

a) Hoàn thành việc kiện toàn các cơ quan chuyên môn thuộc huyện theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP trước 31/3/2021.

b) Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo hướng dẫn của bộ, ngành, UBND tỉnh, khắc phục tình trạng trùng lắp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý giữa các phòng chuyên môn.

c) Cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân lực đảm bảo 100% các cơ quan chuyên môn bố trí cân đối giữa bộ phận chuyên môn nghiệp vụ và bộ phận chuyên môn dùng chung.

II. Nguyên tắc

1. Việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện được tiến hành đồng bộ, toàn diện phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương gắn với việc sắp xếp, bố trí công chức phù hợp và đảm bảo chất lượng, số lượng để nâng cao hiệu quả, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Sắp xếp, kiện toàn phải đảm bảo nguyên tắc cùng nhóm chức năng, nhiệm vụ chỉ giao một tổ chức, đơn vị thực hiện; đồng thời, phù hợp với các điều kiện về kinh tế của địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tránh phân tán, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, khó khăn trong phối hợp quản lý.

3. Việc giải quyết chế độ cho cán bộ, công chức phải đảm bảo đúng quy định và đảm bảo lợi ích hợp pháp cho người lao động; gắn việc sắp xếp tổ chức, bộ máy với việc tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ.

4. Đối với những cơ quan chuyên môn có biên chế ít, khối lượng công việc tăng và bình quân công việc/biên chế cao thì trình UBND huyện xem xét điều chỉnh, bổ sung biên chế đảm bảo khoa học, hợp lý, không để mất cân đối giữa biên chế và cấu trúc tổ chức, chức năng, nhiệm vụ.

III. Phương án kiện toàn các cơ quan chuyên môn thuộc huyện

Thực hiện Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định UBND cấp huyện có nhiệm vụ, quyền hạn xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện; khoản 13 Điều 1 Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ quy định: Căn cứ quy định tại Nghị định này, UBND cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định việc thành lập hoặc không thành lập và kiện toàn tổ chức các phòng cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương, bảo đảm không tăng số lượng phòng khi thực hiện Nghị định này.

Ủy ban nhân dân huyện Nam Trà My đề xuất Phương án kiện toàn 13 cơ quan chuyên môn hiện nay thuộc huyện, tổ chức, sắp xếp còn lại 12 cơ quan, giảm 01 cơ quan (giải thể Phòng Y tế huyện, sáp nhập chức năng tham mưu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực y tế vào Văn phòng HĐND&UBND huyện). Cụ thể số lượng, chức năng và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn như sau:

1. Văn phòng HĐND&UBND

- Chức năng:

Tham mưu tổng hợp cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân về: Hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân về chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; kiểm soát thủ tục hành chính; cung cấp thông tin phục vụ quản lý và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan nhà nước ở địa phương; bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện; hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức trên tất cả các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, chuyển hồ sơ đến các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết và nhận kết quả để trả cho cá nhân, tổ chức.

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số.

- Cơ cấu tổ chức : Văn phòng HĐND và UBND gồm Chánh Văn phòng, không quá 03 Phó Chánh Văn phòng các công chức chuyên môn và hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP.

2. Phòng Nội vụ

- Chức năng:

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tổ chức bộ máy; vị trí việc làm, biên chế công chức và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tín ngưỡng, tôn giáo; công tác thanh niên; thi đua - khen thưởng.

- Cơ cấu tổ chức: Phòng Nội vụ gồm Trưởng phòng, không quá 02 Phó Trưởng phòng và các công chức chuyên môn.

3. Phòng Tư pháp

- Chức năng:

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác xây dựng và thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý, nuôi con nuôi, hộ tịch, chứng thực và các công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Cơ cấu tổ chức: Phòng Tư pháp gồm Trưởng phòng, không quá 02 Phó Trưởng phòng và các công chức chuyên môn.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Chức năng:

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tài chính, tài sản; kế hoạch và đầu tư; đăng ký kinh doanh; tổng hợp, thống nhất quản lý về kinh tế hợp tác xã, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân.

- Cơ cấu tổ chức: Phòng Tài chính – Kế hoạch gồm Trưởng phòng, không quá 03 Phó Trưởng phòng và các công chức chuyên môn.

5. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Chức năng:

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường;; đo đạc và bản đồ; biến đổi khí hậu.

- Cơ cấu tổ chức: Phòng Tài nguyên và Môi trường gồm Trưởng phòng, không quá 02 Phó Trưởng phòng và các công chức chuyên môn.

6. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chức năng:

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Việc làm; giáo dục nghề nghiệp; lao động, tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội (bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp); an toàn lao động; người có công; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội.

- Cơ cấu tổ chức: Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội gồm Trưởng phòng, không quá 03 Phó Trưởng phòng và các công chức chuyên môn.

7. Phòng Văn hoá và Thông tin

- Chức năng:

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo; bưu chính; viễn thông; công nghệ thông tin; phát thanh truyền hình; báo chí; xuất bản; thông tin điện tử; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; hạ tầng thông tin.

- Cơ cấu tổ chức: Phòng Văn hóa - thông tin gồm Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và các công chức chuyên môn.

8. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Chức năng:

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, bao gồm: mục tiêu, chương trình và nội dung giáo dục và đào tạo; tiêu chuẩn nhà giáo và tiêu chuẩn cán bộ quản lý giáo dục; tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em; quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ; bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo.

- Cơ cấu tổ chức: Phòng Giáo dục và Đào tạo gồm Trưởng phòng, không quá 02 Phó Trưởng phòng và các công chức chuyên môn.

9. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chức năng:

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn xã.

- Cơ cấu tổ chức: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm Trưởng phòng, không quá 02 Phó Trưởng phòng và các công chức chuyên môn.

10. Thanh tra

- Chức năng:

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn

thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

- Cơ cấu tổ chức: Thanh tra huyện vụ gồm Chánh Thanh tra, không quá 02 Phó Chánh Thanh tra và các công chức chuyên chuyên môn.

11. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

- Chức năng:

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công nghiệp; tiểu thủ công nghiệp; thương mại; quy hoạch xây dựng, kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trù nghĩa trang liệt sĩ; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); nhà ở; công sở; vật liệu xây dựng; giao thông; khoa học và công nghệ.

- Cơ cấu tổ chức: Phòng Kinh tế - Hạ tầng gồm Trưởng phòng, không quá 02 Phó Trưởng phòng và các công chức chuyên môn.

12. Phòng Dân tộc:

- Chức năng:

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn huyện.

- Cơ cấu tổ chức: Phòng Dân tộc gồm Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và các công chức chuyên môn.

IV. Phương án bố trí cấp phó:

Nghị định 108/2020/NĐ-CP quy định: Bình quân mỗi phòng thuộc UBND cấp huyện có 02 Phó Trưởng phòng; Do vậy số lượng Phó Trưởng phòng tối đa là 24 người. Phương án bố trí cụ thể như sau:

TT	Tên cơ quan	Cấp trưởng	Cấp phó
1	Văn phòng HĐND và UBND	01	03
2	Phòng Nội vụ	01	02
3	Phòng Lao động - TBXH	01	02
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	01	03
5	Phòng Tài nguyên - MT	01	02
6	Phòng Văn hoá và Thông tin	01	01
7	Phòng Giáo dục - Đào tạo	01	02
8	Phòng NN và PTNT	01	02
9	Thanh tra	01	02
10	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	01	02
11	Phòng Tư pháp	01	02

12	Phòng Dân tộc	1	1
	Tổng cộng:	12	24

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Phòng Nội vụ

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai, quán triệt nội dung Đề án đến các cơ quan, đơn vị.

- Hướng dẫn và theo dõi việc rà soát, xây dựng phương án, lộ trình sắp xếp số lượng cấp phó; giải quyết chế độ chính sách đối với số lượng lãnh đạo quản lý, công chức dôi dư tại các cơ quan theo quy định.

- Tham mưu UBND huyện điều chỉnh Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của UBND huyện.

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện

- Tổ chức thực hiện Đề án này và xây dựng Phương án sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức quán triệt nội dung sắp xếp, kiện toàn đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức sắp xếp nhân sự, giải quyết chế độ, chính sách đối với số lượng công chức dôi dư sau khi sắp xếp theo quy định.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án sắp xếp cấp phó của đơn vị.

- Xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, đơn vị, trình UBND huyện tổng hợp theo quy định.

Trong quá trình triển khai, thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kịp thời Ủy ban nhân dân huyện (qua phòng Nội vụ) để xem xét, quyết định.

Trên đây là Đề án Kiện toàn các cơ quan hành chính và quy định số lượng cấp phó các cơ quan hành chính thuộc UBND huyện Nam Trà My./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND&UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã;
- Lưu: VTUB, NV

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH